

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM  
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

**Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2022**

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 1**  
**NGÀY QUAN TRẮC 10 THÁNG 2 NĂM 2022**  
**NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC 11 THÁNG 2 NĂM 2022**

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**

**CƠ QUAN THỰC HIỆN**  
**VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG**

*ThS Vũ Quốc Chính*

**Thông tin chung**

*Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2022” được Tổng cục Thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và PTNT giao Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường thực hiện năm 2022. Trong năm 2022 quan trắc tại 15 vị trí, 10 đợt vào vào các tháng 2, 3, 4, 7 và 8 (mỗi tháng lấy 2 đợt) và dự báo 7 ngày tiếp theo. Báo cáo kỳ được đưa lên websites của Tổng cục Thủy lợi tại địa chỉ [www.httl.com.vn](http://www.httl.com.vn) và gửi cho các địa phương vùng dự án.*

*Bản tin kết quả quan trắc hiện trường đợt 1 lấy mẫu ngày 10/2/2022. Nội dung gồm: Tình trạng đóng mở cống, chế độ dòng chảy, tình trạng chất thái, màu, mùi; kết quả đo các chỉ tiêu ngoài hiện trường (nhiệt độ, pH, DO) và những khuyến cáo chất lượng nước phục vụ SXNN.*

**Hà Nội, ngày 11 tháng 2 năm 2022**

## BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 1

**1. Nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

**2. Ngày quan trắc:** 10/2/2022

**Ngày cung cấp TT:** 11/2/2022

**3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu:**

- Mẫu lấy ngày 10/2/2022 vào giai đoạn lấy nước đở ải, cấy lúa vụ Chiêm Xuân và tưới nước cho hoa màu (21/1 – 28/2). Thời điểm lấy mẫu đã có 2 đợt các hồ thủy điện xả nước lấy hệ thống để phục vụ cho công tác đở ải vào các ngày từ 04/01 đến 06/01/2022 (3 ngày) và từ 15/01 đến 22/01/2022 (8 ngày). Đến ngày 7/2/2022 tổng diện tích có nước trong hệ thống đã đạt 100% với 75.165 ha đủ nước đở ải. Trong đó, Hưng Yên: 26.880ha đạt 100%, hoàn thành vào ngày 26/01/2022; Hải Dương: 35.150 ha đạt 100%, hoàn thành vào ngày 07/02/2022; Bắc Ninh: 13.135 ha đạt 100%, hoàn thành vào ngày 31/01/2022. Thời điểm này Công ty KTCTTL Bắc Hưng Hải điều hành quy trình vận hành hệ thống như sau: Xuân Quan trữ nước hạ lưu; Báo Đáp, Kênh Cầu, Lược Điền mở thông; Neo, Bá Thủy trữ nước thượng lưu; Cầu Xe, An Thổ; Cầu Cát lấy nước ngược và phục vụ giao thông thủy.

- Tại thời điểm lấy mẫu, tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu như sau: Cống Xuân Quan, Kênh Cầu, Bá Thủy, An Thổ, Cầu Xe và Âu Cầu Cát đóng; Lược Điền, Neo mở thông. Các cống tiêu Xuân Thủy mở đáy 2 cửa; Ngọc Đà, Bình Lâu mở thông; Ngọc Lâm, Phần Hà đóng kín.

**4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 15 (Có danh sách kèm theo)

**5. Đơn vị thực hiện:** Viện Nước, Tưới tiêu và MT

**Người cung cấp thông tin:** ThS Vũ Quốc Chính- Chủ nhiệm nhiệm vụ

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Tổng cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng:

### KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 1 (So sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A<sub>1</sub> và B<sub>1</sub>)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
1	BHH 1	Cống Xuân Quan	- Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH - Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nước ô nhiễm từ cống Xuân Thủy	- Cống đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mục nước TL = 108 cm; HL = 102 cm; - Nước có màu xanh nhạt,	16,9	7,18	5,3	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy, trữ nước vào hệ thống.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
				không mùi, không rác thải.				
2	BHH2	Cổng Xuân Thụy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước sông Cầu Bậy trước khi chảy ra sông Kim Sơn.</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp quận Long Biên và Gia Lâm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở đáy 2 cửa, dòng chảy yếu. Mực nước TL = 225cm; HL = 172 cm;</li> <li>- Nước có màu xanh lục, mùi hơi hôi, nhiều rác thải.</li> </ul>	16,6	7,46	1,7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết.</li> <li>- Khuyến cáo: Người dân hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS. Tăng cường lấy nước qua các trạm bơm lấy nước từ sông Kim Sơn và không nên mở cổng Xuân Thụy vào thời điểm lấy nước phục vụ sản xuất.</li> </ul>
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước sông Đình Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Lâm (Hưng Yên) và huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) qua TB Như Quỳnh</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực TT Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặt nước tĩnh, không có dòng chảy.</li> <li>- Nước xám đen, mùi hơi hôi, nhiều rác thải nổi trên sông.</li> </ul>	16,9	7,66	3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 4 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngờ nổi đầu.</li> <li>- Khuyến cáo: Người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.</li> </ul>
4	BHH4	Cổng kênh Cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Giang và hạ lưu phía Bắc hệ thống.</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng của các nguồn thải khu vực Gia Lâm, Long Biên xả qua cổng Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ sông Đình Dù ra sông Kim Sơn tại cầu Tăng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổng đóng, mặt nước tĩnh không có dòng. Mực nước TL= 170 cm; HL= 169cm.</li> <li>- Nước màu xanh nhạt, không mùi, không có rác thải.</li> </ul>	15,9	7,41	4,6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN.</li> <li>- Tăng cường lấy và trữ nước. Nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.</li> </ul>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
			Bảo					
5	BHH5	Cổng Ngọc Đà	- Kiểm tra nước kênh Kiên Thành tiêu ra sông Đình Dù. - Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ.	- Cống mở 2 cửa, dòng chảy nhỏ. - Nước trên kênh có màu đen, mùi hôi thối, không rác thải. Hạ lưu sau cống, nước có màu đen, mùi hôi, nổi nhiều bọt trắng.	15,4	7,54	1,9	- DO < 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Khuyến cáo cho người dân hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS; - Không nên mở cống Ngọc Đà ra sông Đình Dù vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN
6	BHH6	Cổng Ngọc Lâm	- Kiểm tra nước sông Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường ở xã Ngọc Lâm, Xuân Dục, Bạch Sam (huyện Mỹ Hòa, Hưng Yên).	- Cống đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu xanh lục, mùi hôi, nhiều rác thải.	16,9	7,54	3,1	- DO < 4 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ nổi đầu. - Khuyến cáo: Người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
7	BHH7	Cổng Phan Hà	- Kiểm tra nước kênh Trần Thành Ngọ trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Nối, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi của xã Dị Sử (huyện Mỹ Hòa, Hưng Yên).	- Cống đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	17,7	7,48	3,5	- DO < 4 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ nổi đầu. - Khuyến cáo: Người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
8	BHH8	Cổng Bá	- Nước sông Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho huyện	- Cống đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục	16,2	7,18	4,3	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
		Thủy	Bình Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, tỉnh Hải Dương - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	nước TL= 163 cm; HL= 162 cm. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi hôi lạ. Nhiều bèo tây và rác thải trên sông.				- Tăng cường lấy và trữ nước. Nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
9	BHH9	Cống Bình Lâu	Tiêu nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	- Cổng mở, nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu đen, mùi hôi thối, nhiều rác thải	18,1	7,45	1,5	- DO < 2mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Không nên mở cống Bình Lâu ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN;
10	BHH10	Cống Cầu Cát	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực TP Hải Dương, huyện Tứ Kỳ và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước tiêu TP Hải Dương.	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mực nước TL= 165, HL= 21 cm. - Nước màu xanh lục, không có mùi lạ, nhiều rác thải.	17,2	7,91	3,6	- DO < 4 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ ngẩn đầu. - Khuyến cáo: Người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
11	BHH11	Cống An Thổ	Kiểm tra nước sông An Thổ cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du Ninh Giang, và nước tiêu hệ thống ra sông Luộc.	- Cổng đóng giữ nước, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mực nước TL= 167 cm; HL= -23cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	17,0	7,51	4,6	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống. Nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
12	BHH12	Cống Cầu Xe	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du huyện Ninh Giang và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.	- Cổng đóng giữ nước, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mực nước TL= 168cm; HL= -21cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	17,4	7,63	4,8	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống. Nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
13	BHH13	Cổng Lực Điền	Kiểm tra nước sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên	- Cổng mở thông, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mức nước TL= HL = 168cm. - Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ, nhiều rác thải.	15,5	7,54	4,5	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào ruộng. Nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
14	BHH14	Cổng Bàng Ngang	- Kiểm tra nước sông Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã phía Bắc huyện Kim Động, phía nam huyện Khoái Châu. - Nguồn nước bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và nước tiêu SXNN.	- Dòng chảy yếu theo hướng ra sông Cửu An. - Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	15,7	7,38	4,3	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào ruộng. Nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
15	BHH15	Cổng Neo	- Kiểm tra nước sông Cửu An trước khi chảy vào địa giới tỉnh Hải Dương. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên.	- Cổng mở thông, dòng chảy yếu. Mức nước TL= 164cm; HL= 163cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, nhiều bèo và rác thải.	16,0	7,40	4,8	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào ruộng. Nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
<b>QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1</b>				-	-	<b>6,0-8,5</b>	<b>≥6</b>	-
<b>QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1</b>				-	-	<b>5,5-9,0</b>	<b>≥4</b>	-

**Ghi chú:** QCVN08-MT:2015/BTNMT cột A1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột A1 - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2.
- Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;